

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST

Ngày: 24/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành

Ông Nguyễn Tất Thê

Bà Nguyễn Thị Tùng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/ 2018/ TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 8 năm 1982; nơi đăng ký NKTT: xã T1, huyện Đ, TP. Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1950; Con bà Trần Thị T3, sinh năm 1952; Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 Bộ công an); con: có 02 con. Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Mậu C, sinh năm 1954 – Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh. (có mặt).

***Người bị hại:**

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm K, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
3. Trần Thị Ngọc L1, sinh năm 1967 (vắng mặt).
Trú tại: khối 6A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
4. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 5, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1951 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
6. Trần Thị M, sinh năm 1966 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
7. Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã Khánh L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Phạm Thị Thanh X, sinh năm 1969.
Trú tại: khối 6A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
9. Nguyễn Doãn Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm 1, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
10. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 10, phường Bắc H, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.
11. Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (có mặt).
Trú tại: Xóm N, xã T3, huyện T4, tỉnh Hà Tĩnh.
12. Đặng Thị B, sinh năm 1969 (có mặt).
Trú tại: Thôn Nam H, xã Khánh L, huyện Can L, tỉnh Hà Tĩnh.
13. Lê Thế H, sinh năm 1972 (có mặt)
Trú tại: Xóm H, xã Thạch Kênh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
14. Trần Văn Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
15. Bùi Văn X, sinh năm 1975 (có mặt).
Trú tại: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
16. Trần Hữu N, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
17. Nguyễn Thế T, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
18. Nguyễn Thế T, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.
19. Mai Khắc T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

20. Võ Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: Xóm 10, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

21. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện C (vắng mặt).

22. Hội Nông dân xã K (vắng mặt).

23. Công ty thức ăn gia súc T: Người đại diện: Ông Phan Hữu T – Chức vụ: Kế toán trưởng (có mặt).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng ngoại thương Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1947 (có mặt).

Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (vợ bị cáo).

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2 Trại giam số 6 Bộ công an (Có mặt).

4. Trần Thị B, sinh năm 1951. (có mặt)

Trú tại: Xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 10, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Bùi Xuân L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 10, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 5 năm 2012, Nguyễn Văn T cùng vợ là Nguyễn Thị H lợi dụng lòng tin của một số người là anh em, người quen, bạn bè làm ăn đã vay tiền, nhờ người khác thế chấp tài sản của họ vay tiền Ngân hàng để vay lại của họ, mua nợ hàng hóa để kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, đầu tư trang trại và chăn nuôi gia súc với tổng số tiền 3.488.956.519 đồng. Sau khi vay mượn số tiền nói trên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H sử dụng để kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, đầu tư trang trại và chăn nuôi gia súc, chi tiêu cá nhân và trả lãi suất tiền vay dẫn đến không còn khả năng thanh toán, trả nợ. Do đó đến cuối tháng 5 năm 2012 Nguyễn Văn T cùng vợ Nguyễn Thị H bỏ trốn khỏi địa phương, từ bỏ trách nhiệm trả nợ nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Nguyễn Thị H đã bị bắt và đưa ra xét xử, hiện đang thi hành án tại trại giam số 6 Bộ Công an. Nguyễn Văn T bị bắt theo lệnh truy nã, số tiền Nguyễn Văn T chiếm đoạt cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 26/3/2010 do có mối quan hệ quen biết Nguyễn Văn T và vợ là Nguyễn Thị H đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị H1 là đang cần vốn đầu tư

kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y và vay của chị H1 2 lần với số tiền 27 triệu đồng, cụ thể: Ngày 26/3/2010, vay 20 triệu đồng lãi suất 1,4%/tháng; ngày 26/12/2011, vay 07 triệu đồng lãi suất 2%/tháng. Đến tháng 5/2012, H không còn khả năng trả nợ nên bỏ trốn khỏi địa phương nhà nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 27 triệu đồng.

Lần thứ 2: Do có quan hệ họ hàng nên tháng 05/2010, Nguyễn Văn T và vợ là Nguyễn Thị H đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị L là đang cần vốn để đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y và nhờ chị L vay tiền, chị L do biết việc kinh doanh của vợ chồng T, H nên đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Can Lộc 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền tại Ngân hàng chị L đã cho H vay lại, hai bên thống nhất tiền lãi hàng tháng H đưa tiền cho chị L để trả Ngân hàng. Nay chị L yêu cầu T và H phải trả lại số tiền 100.000.000đ.

Lần thứ 3: Ngày 29/6/2010, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đến nhà và đặt vấn đề với chị Trần Thị Ngọc L11 là đang cần vốn đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y nên muốn vay ít tiền. Hai bên thỏa thuận thống nhất, vợ chồng Hòa, Tuấn thế chấp giấy tờ xe ô tô tải mang BKS 29S - 8026 vay chị Loan 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Sau đó Nguyễn Thị Hòa đặt vấn đề với chị Loan mượn lại giấy tờ đăng ký xe BKS:29S- 8026 về sử dụng và được chị Loan đồng ý.

Ngày 02/7/2010, Hòa và Tuấn tiếp tục đến nhà chị L cầm cố một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Sỹ Hải do UBND huyện Can Lộc cấp ngày 30/6/1995 và một giấy ủy quyền sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên (có xác nhận của chính quyền địa phương) và vay của chị L 200.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Nay chị L yêu cầu T và H hoàn trả số tiền 350.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Tháng 07/2010, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H mua của vợ chồng chị Nguyễn Thị H một trang trại ở xóm H, xã P, huyện C với giá 650.000.000 đồng để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đến ngày 05/4/2011 sau nhiều lần thanh toán H và T còn nợ chị Huyền 226.000.000 đồng. Mặc dù chưa trả hết tiền cho chị H, nhưng H đã thế chấp toàn bộ trang trại tại Ngân hàng Ngoại thương để vay 200 triệu đồng. Nay Chị Nguyễn Thị H yêu cầu H trả số tiền 226.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Do có quan hệ họ hàng nên tháng 09 năm 2010, Nguyễn Thị H đến nhà đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị Y là đang cần vốn để đầu tư kinh doanh

thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y và nhờ chị Ý thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn vay 30.000.000 đồng. Chị Ý đồng ý đến Ngân hàng nông nghiệp và PTNT- chi nhánh Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình vay 30.000.000 đồng rồi đưa cho vợ chồng H vay lại. Sau khi vay được tiền, H đã nói cho Nguyễn Văn T biết việc vay tiền và hai vợ chồng đã dùng vào kinh doanh chăn nuôi nhưng do thua lỗ không còn khả năng thanh toán nên bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Nay chị Y yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 30.000.000đ.

Lần thứ 6: Do có mối quan hệ họ hàng nên khoảng tháng 5/2011, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đến nhà chị Trần Thị Mai, trú tại xóm Thượng Thăng, xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đặt vấn đề là cần vốn làm ăn, nhờ chị Mai thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Mai tại Ngân hàng để vay tiền và được chị Mai đồng ý. Sau đó, Hòa chở chị Trần Thị Mai đến Ngân hàng Ngoại thương –chi nhánh huyện Can Lộc làm thủ tục thế chấp đất và tài sản trên đất của chị Mai cho Ngân hàng vay 220 triệu đồng. Cả hai hợp đồng tín dụng đều đứng tên bên vay là Nguyễn Thị H, sau khi nhận được khoản tiền này cả hai vợ chồng đã sử dụng vào mục đích kinh doanh, chăn nuôi gia súc. Đến cuối tháng 5/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn không trả số tiền 220 triệu đồng cho ngân hàng. Do chị Mai thế chấp tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay do Nguyễn Thị H đứng tên nên nếu Tuấn và Hòa không trả 220 triệu đồng như vậy người bị thiệt hại là chị Trần Thị Mai. Đến đầu năm 2012, Nguyễn Thị H tiếp tục vay của chị Trần Thị Mai 25.000.000 đồng; 01 chỉ vàng 9999 trị giá 4.400.000 đồng và nợ tiền mua 04 con lợn giống trị giá 11.000.000 đồng. Số tiền, tài sản đã vay được của chị Trần Thị Mai, Nguyễn Thị H đều nói cho Nguyễn Văn T biết và cả hai vợ chồng sử dụng vào mục đích chung là kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chăn nuôi ở trang trại xã Phú Lộc. Tổng cộng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Mai 260.400.000 đồng.

Đến cuối tháng 5/2012, do không có khả năng thanh toán các khoản nợ trên nên Nguyễn Văn T cùng vợ Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị Mai. Hiện nay, ông Nguyễn Thế Niêm (bố đẻ của Nguyễn Thị H) đã trả 220.000.000 đồng cho ngân hàng Ngoại Thương –chi nhánh Can Lộc đối với khoản vay của Nguyễn Thị H tại Ngân hàng, có bảo đảm bằng tài sản của chị Trần Thị Mai. Hiện chị Mai chỉ yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bồi thường 40.400.000 đồng (bốn mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Lần thứ 7: Ngày 15/06/2011 và ngày 02/7/2011 Nguyễn Thị H đến nhà đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị Trúc ,trú tại xóm Thượng Thăng, xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh là đang cần vốn để đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, thuốc thú y và vay của chị Nguyễn Thị Trúc hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn). Tổng cộng Hòa vay của chị Trúc 10.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng . Sau khi vay được tiền, Hòa đã nói với Tuấn về việc vay tiền của chị Trúc và hai vợ chồng sử dụng số tiền vay của chị Trúc vào mục đích kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y.

Đến tháng 5/2012, do không còn khả năng trả nợ nên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Hoa đã bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt số tiền đã vay. Chị Nguyễn Thị Trúc yêu cầu Tuấn, Hòa trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Lần thứ 8: Từ tháng 12/2010 đến tháng 07/2011 Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đã đến nhà chị Phạm Thị Thanh Xuân, trú tại khối 6A, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đặt vấn đề vay vốn đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chăn nuôi trang trại và đã nhiều lần vay tiền của chị Xuân. Đến ngày 01/12/2011, hai bên tính toán lại, vợ chồng Tuấn, Hòa nợ chị Xuân tổng số tiền 1.330.000.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2012, do không có khả năng trả nợ nên Tuấn, Hòa đã bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay.

Chị Phạm Thị Thanh Xuân yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại 1.330.000.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng).

Lần thứ 9: Ngày 05/12/2011, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đặt vấn đề với anh Nguyễn Doãn Đàn, trú tại Thôn Văn Sơn, xã Gia Hanh, Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh muốn mua nợ lúa về chăn nuôi vịt. Anh Đàn đồng ý nên Tuấn và Hòa đã sử dụng số lúa mua nợ của anh Đàn về nuôi vịt nhưng chưa thanh toán. Sau đó, hai bên thống nhất vợ chồng Tuấn, Hòa còn nợ anh Đàn số tiền 27.500.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H không có khả năng trả nợ cho anh Đàn nên bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

Lần thứ 10: Ngày 11/01/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H được hội nông dân xã Khánh Lộc cho vay 20.000.000, lãi suất 0,8%/tháng. Việc làm hợp đồng vay vốn có chữ ký xác nhận của Tuấn và Hòa .Sau khi vay được tiền, hai vợ chồng Tuấn – Hòa sử dụng đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và kinh doanh trang trại.

Đến cuối tháng 5/2012 do không có khả năng trả nợ cho Hộ nông dân xã Khánh Lộc, Tuấn và Hòa đã bỏ trốn tránh trách nhiệm trả nợ nhằm chiếm

đoạt số tiền đã vay. Hội nông dân xã Khánh Lộc yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Lần thứ 11: Do có mối quan hệ làm ăn, buôn bán với nhau nên từ ngày 26/01/2012 đến ngày 13/03/2012 Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Hoà đến nhà đặt vấn đề với chị Nguyễn Thị Lộc, trú tại xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh để mua nợ thức ăn chăn nuôi. Được chị Lộc đồng ý, vợ chồng Tuấn - Hòa đã mua thức ăn chăn nuôi của chị Lộc nhiều lần nhưng chưa thanh toán. Đến ngày 29/04/2012, vợ chồng Tuấn - Hòa chốt nợ chị Lộc 268.000.000 đồng. Ngày 12/5/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 253.000.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng Tuấn - Hòa đã bỏ trốn để trốn tránh trách nhiệm trả nợ, chiếm đoạt số tiền nói trên của chị Lộc. Chị Nguyễn Thị Lộc yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 253.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng).

Lần thứ 12: Năm 2011, vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bàn bạc thành lập công ty TNHH Kim Dung do Nguyễn Văn T làm giám đốc, mở rộng sản xuất kinh doanh buôn bán. Sau đó, hai vợ chồng thống nhất ký kết hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với công ty CP thức ăn chăn nuôi T, có địa chỉ tại xã T, huyện C. Vì vậy, từ ngày 11/08/2011 đến ngày 26/11/2011, công ty TNHH K đã nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của công ty CP thức ăn chăn nuôi T. Đến ngày 03/03/2011, công ty TNHH K nợ của công ty CP T. Đến ngày 03/03/2011, công ty TNHH K nợ của công ty CP thức ăn chăn nuôi T số tiền 150.777.504 đồng. Ngày 16/03/2012, vợ chồng T - H đã trả được 31.000.000 đồng còn nợ 119.777.504 đồng chưa thanh toán. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng T - H đã bỏ trốn khỏi địa phương, trốn tránh trách nhiệm trả nợ và chiếm đoạt số tiền nợ của công ty CP thức ăn chăn nuôi T. Công ty CP thức ăn chăn nuôi T yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả số tiền 119.777.504 đồng (Một trăm mười chín triệu ,bảy trăm bảy mươi bảy ngàn ,năm trăm linh bốn đồng).

Lần thứ 13: Ngày 05/3/2012, Nguyễn Thị H đặt vấn đề với chị Đặng Thị B, trú tại xóm N, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là muốn mua nợ lợn giống về nuôi và được chị B đồng ý nên hòa mua 27 con lợn giống của chị Bình với số tiền 31.700.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị H trả cho chị Bình 1.700.000 đồng và viết giấy nợ chị B 30.000.000 đồng, lãi suất 1,75%, hứa hẹn 3 tháng sau sẽ trả. Sau khi mua được lợn giống, H đã thông báo cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết, cả hai đã đưa số lợn trên lên nuôi tại trang trại xã P, huyện C. Đến cuối tháng 5/2012, T - H đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền mua lợn

giống nêu trên của B.Chị Đặng Thị Bình yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Lần thứ 14 : Ngày 23/03/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đến nhà và đặt vấn đề với anh Lê Thế H, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh là đang cần vốn mua lợn giống để nuôi tại trang trại và vay của anh H số tiền 58.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng, lãi suất 2,5%/ tháng. Do anh H đặt điều là phải có tài sản thế chấp nên khi làm thủ tục vay tiền , Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đưa một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thế T do chủ tịch UBND huyện C cấp ngày 10/9/2004 kèm theo một giấy ủy quyền (nội dung bà Dương Thị T ủy quyền lại cho chị Nguyễn Thị H sử dụng bìa đất) cho anh H để thế chấp. Đến ngày 23/04/2012, Nguyễn Thị H thương lượng với anh H đồng ý. Đến cuối tháng 5/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Lần thứ 15: Do có mối quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau từ trước nên từ cuối năm 2011 Nguyễn Thị H cùng Nguyễn Văn T đặt vấn đề với anh Trần Văn Đ, trú tại xã P, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh muốn mua nợ thức ăn chăn nuôi gia súc, anh Đ đồng ý. Sau đó, Nguyễn Thị H đã nhiều lần mua nợ thức ăn gia súc về chăn nuôi tại trang trại. Tính đến ngày 06/04/2012, vợ chồng T, H nợ của anh Trần Văn Đ 50.000.000 đồng với lãi suất 50.000 đồng, còn nợ 40.500.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2012, do không còn khả năng trả nợ nên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Anh Trần Văn Đ yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả số tiền 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Lần thứ 16: Ngày 23/03/2012, do có mối quan hệ làm ăn với nhau biết từ trước, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đến nhà và đặt vấn đề với chị Võ Thị H, trú tại xóm 10, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh mua nợ thức ăn chăn nuôi gia súc và được chị H đồng ý. Sau đó Nguyễn Thị H đã mua nợ thức ăn chăn nuôi gia súc nhiều lần, hai bên chốt nợ số tiền 369.765.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2012, do không còn khả năng trả nợ Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền đã nợ của chị H.

Chị Võ Thị H yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 369.765.000 đồng (ba trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn).

Lần thứ 17: Do có mối quan hệ làm ăn, buôn bán với nhau từ trước nên khoảng tháng 4/2012, Nguyễn Thị H đặt vấn đề với anh Bùi Văn X, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh muốn mua nợ thức ăn chăn nuôi gia súc về nuôi lợn tại

trang trại, được anh X đồng ý. Việc H mua nợ thức ăn chăn nuôi của anh X được Nguyễn Văn T đồng ý. Tổng cộng, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H mua nợ thức ăn chăn nuôi của anh X hai lần với tổng số tiền 112.014.015 đồng. Đến cuối tháng 05/2012, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ và chiếm đoạt số tiền còn nợ của anh X. Anh Bùi Văn X yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại số tiền 112.014.015 đồng (Một trăm mười hai triệu, không trăm mười bốn ngàn, không trăm mười lăm đồng).

Lần thứ 18: Đầu 2012, Nguyễn Thị H nhờ anh Trần Hữu N, trú tại xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đứng tên vay tại ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,65%/tháng, anh N đồng ý. Sau khi đứng tên vay được 25.000.000 đồng, anh N đã đưa cho Nguyễn Thị H vay lại. Hai bên thống nhất H sẽ chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho Ngân Hàng. Sau khi vay được số tiền này, H đã nói cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết và cả hai vợ chồng sử dụng số tiền đã vay vào đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và kinh doanh trang trại nhưng chưa trả tiền cho Ngân hàng như thỏa thuận. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm và chiếm đoạt số tiền trên. Hiện anh Trần Hữu N yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần thứ 19: Đầu 2012, Nguyễn Thị H nhờ anh Nguyễn Thế T, trú tại xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đứng tên vay tại Ngân Hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,65%/tháng, anh T đồng ý. Sau khi đứng tên vay được 25.000.000 đồng, anh T đã đưa cho Nguyễn Thị H vay lại. Hai bên thống nhất H sẽ chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho Ngân Hàng. Sau khi vay được số tiền này, H đã nói cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết và hai vợ chồng sử dụng số tiền này vào đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và kinh doanh trang trại nhưng chưa trả tiền cho ngân hàng như thỏa thuận. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm và chiếm đoạt số tiền trên. Hiện nay anh Nguyễn Thế T yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần thứ 20: Đầu 2012, Nguyễn Thị H nhờ anh Nguyễn Thế T, trú tại xóm T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đứng tên vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,65%/tháng, anh T đồng ý. Sau khi đứng tên vay được 25.000.000đ, anh T đã đưa cho Nguyễn Thị H vay lại. Hai bên thống nhất H sẽ chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau

khi vay được số tiền này H đã nói cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết và cả hai vợ chồng sử dụng số tiền này vào đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi; thuốc thú y và kinh doanh trang trại nhưng chưa trả tiền cho Ngân hàng như thỏa thuận. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm và chiếm đoạt số tiền trên. Hiện anh Nguyễn Thế T yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần thứ 21: Đầu năm 2012, Nguyễn Thị H nhờ anh Mai Khắc T, trú tại xóm T, xã K, huyện C, Tỉnh Hà Tĩnh đứng tên vay tại ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,65%/tháng, anh T đồng ý. Sau khi đứng tên vay được 25.000.000 đồng, anh T đã đưa cho Nguyễn Thị H vay lại. Hai bên thống nhất H sẽ chịu trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho ngân hàng. Sau khi vay được số tiền này, Hòa đã nói cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết và cả hai vợ chồng sử dụng số tiền này vào đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và kinh doanh trang trại nhưng chưa trả tiền cho ngân hàng như thỏa thuận. Đến cuối tháng 5/2012, vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm và chiếm đoạt số tiền trên. Hiện anh Mai Khắc T yêu cầu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H trả lại 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần thứ 22: Đầu năm 2012, Nguyễn Thị H trực tiếp đứng tên vay Ngân Hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất 0,69%/tháng. Sau khi vay được tiền, Nguyễn Thị H đã nói cho chồng mình là Nguyễn Văn T biết và cả hai vợ chồng đã sử dụng số tiền đã vay đầu tư kinh doanh thức ăn chăn nuôi và kinh doanh trang trại. Sau đó, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay. Ngân hàng chính sách xã hội huyện C yêu cầu Nguyễn Thị H trả số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra Nguyễn Thị H (vợ Nguyễn Văn T) còn khai có 02 lần vay, mượn của chị Nguyễn Thị Minh N số tiền 10 triệu đồng và vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Xuân L số tiền 110 triệu đồng nhưng khi vay tiền và sau khi vay tiền Nguyễn Thị H không nói cho Nguyễn Văn T biết các lần vay và số tiền vay này nên T không biết, không có ý thức chiếm đoạt. Do đó, Nguyễn Văn T không phải chịu trách nhiệm về các khoản vay này.

Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, công sức đóng góp của mình trong lĩnh vực chăn nuôi đối với huyện C trong thời gian bị cáo sinh sống và làm việc để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại đồng ý với nội dung cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với tội danh, điều khoản áp dụng truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét nhân thân bị cáo, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, việc kinh doanh của bị cáo thua lỗ do thiên tai dịch bệnh nên đã lâm vào cảnh nợ nần. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bản cáo trạng số 07/Ctr-KSĐT, ngày 06/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T khoảng từ 12 đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử Nguyễn Thị H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (bản án đã có hiệu lực pháp luật) nên không xem xét trong vụ án này.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời bào chữa của Luật sư tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Tĩnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như cáo trạng số 07/Ctr-KSĐT, ngày 06/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thời gian, địa điểm phạm tội nên có cơ sở để HĐXX kết luận: Từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2012, lợi dụng lòng tin của nhiều người Nguyễn Văn T cùng vợ là Nguyễn Thị H với thủ đoạn vay tiền, mua chịu hàng hóa, nhờ người khác thế chấp tài sản của họ vay vốn Ngân hàng để phát triển kinh doanh, chăn nuôi. Do tiền vay mượn quá nhiều lại sử dụng vốn vay không đúng mục đích, kinh doanh thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán nên bị cáo đã bỏ trốn nhằm đoạt tài sản của 22 người bị hại với tổng số tiền 3.488.956.519 đồng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo dùng thủ đoạn lợi dụng lòng tin của nhiều người để vay tiền, mua chịu thức ăn gia súc, lợi dụng chính sách ưu tiên của Ngân hàng chính sách xã hội đối với các hộ dân là thành viên của Hợp tác xã bị cáo đã nhờ họ đứng tên vay tiền tại ngân hàng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian làm ăn kinh tế bị cáo biết rằng hoạt động kinh doanh thuốc thú y, thức ăn gia súc, làm trang trại của mình bị thua lỗ không hiệu quả dẫn đến không có khả năng thanh toán tiền hàng của các khoản vay trước đó nhưng bị cáo vẫn tiếp tục đi vay tiền của nhiều người, nhiều lần với hình thức vay của người này trả dần cho người kia với tổng số tiền rất lớn đến khi biết không thể trả nợ bị cáo đã cùng vợ bỏ trốn khỏi địa phương trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, tham lam, ích kỷ làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Chính vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải xử phạt thật nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Hành vi trên đây của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 điều 175 BLHS.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khai báo thành khẩn, tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả, gia đình có công với cách

mạng, bố vợ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: **28/2015/HSST ngày 17/9/2015** của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[4]Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 30/10/2017).

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án buộc Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;
- CA, VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PC 45, PV 27- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền